TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2018/DS-PT
Ngày: 26/03/2018
V/v tranh chấp: "Hợp đồng thuê tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đạt;

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Hiếu;

Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Lê Lộc, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Hà Ngọc Thư Trúc – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2018/TLPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp "Hợp đồng thuê tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 290/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 32/2018/QĐ-PT ngày 02 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tô Vĩnh H, sinh năm 1980; (có mặt).

Địa chỉ: đường L, phường X, TP. V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty TNHH một thành viên Đ;

Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1971; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn Nguyễn Hữu T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Hữu T – ông Tô Vĩnh H trình bày:

Vào ngày 03/5/2014, ông Nguyễn Văn T - người đại diện theo pháp luật của công ty TNHH một thành viên Đ có ký hợp đồng với vật liệu xây dựng Phú Hưng do ông Nguyễn Hữu T làm đại diện, nội dung là thuê 3 chiếc xe ben với giá là 23.000.000đồng/chiếc/tháng. Mục đích là để phục vụ công trình. Theo hợp đồng các bên đã thống nhất và thông qua nội dung hợp đồng, thời gian vận chuyển, điều kiện và phương thức thanh toán, trách nhiệm, điều khoản chung của hợp đồng. Cùng ngày, hai bên còn ký hợp đồng thuê xe cuốc. Vật liệu xây dựng Phú Hưng sẽ cho công ty Đ thuê 1 xe cuốc hiệu Komatsu 05 đời trừ 06 với số tiền là 25.000.000 đồng/tháng. Công ty Đ thuê tính giờ xe hoạt động công trình mỗi bên là 200 giờ (tương đương 1 tháng), thời hạn hợp đồng là 03 tháng kể từ ngày xe vào công trình công ty Đ hoạt động, nếu thời hạn mướn 03 tháng trở lên thì mỗi bên chịu một đầu chi phí vận chuyển xe, nếu dưới 03 tháng thì chi phí vận chuyển đi và về do công ty Đ chịu. Hình thức thanh toán 10 ngày sau khi nhận xe, công ty Đ chuyển tiền hoặc tiền mặt một tháng là 25.000.000 đồng cho vật liệu xây dựng Phú Hưng. Những tháng còn lại công ty Đ sẽ thanh toán vào ngày 10 tây hàng tháng. Hợp đồng còn quy định trách nhiệm của mỗi bên. Sau hơn 06 tháng thi công công trình đã hoàn thành, hai bên có gặp nhau để kiểm tra sổ sách và làm bản hợp đồng thỏa thuận vào ngày 08/01/2015 với nội dung để tổng hợp số giờ hoạt động của xe ben là 1180 giờ, xe cuốc là 740 giờ. Sau khi tính toán thì phía công ty Đ phải trả cho vật liệu xây dựng Phú Hưng số tiền tổng cộng là 228.000.000 đồng, trong thời gian thi công ông T có trả được 94.000.000 đồng, còn nợ lại 134.200.000 đồng.

Nay anh yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả số tiền còn nợ 134.200.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tạm tính từ ngày 08/01/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm là 32 tháng, lãi suất 0.75%/tháng là 32.208.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 166.408.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật

Bị đơn – ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông có đại diện cho công ty TNHH một thành viên Đ ký 02 hợp đồng với vật liệu xây dựng Phú Hưng do ông Nguyễn Hữu T làm đại diện để thuê xe ben và xe cuốc. Trong quá trình thực hiện công trình, ông có trả cho ông T số tiền 94.000.000 đồng. Nay ông không đồng ý trả cho ông T 134.200.000đồng và tiền lãi, lý do là ông và ông T chưa tổng kết nợ nên không biết chính xác số nợ là bao nhiêu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Công ty TNHH một thành viên Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ, Thông báo v/v thụ lý vụ án nhưng không có ý kiến phản hồi gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 290/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Điều 6, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 480 Bộ luật dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải trả số tiền thuê xe còn nợ là 134.200.000 đồng và tiền lãi là 32.208.000 đồng. Tổng cộng là 166.408.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 04/10/2017, nguyên đơn Nguyễn Hữu T có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 290/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, buộc ông T trả cho ông số tiền thuê tài sản là: 134.200.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán từ tháng 1/2015 đến tháng 9/2017 là 32 tháng, lãi 0,75%/tháng số tiền lãi chậm thanh toán là: 32.208.000 đồng, tổng số tiền 166.408.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Hữu T - ông Tô Vĩnh H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Về nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hữu T là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hữu T, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn T, đại diện theo pháp luật Công ty TNHH một thành viên Đ là ông Nguyễn Văn T - Giám đốc đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Trừ và Công ty TNHH một thành viên Đ.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hữu T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 03/5/2014, công ty TNHH một thành viên Đ (bên A) do ông Nguyễn Văn T, chức vụ giám đốc làm đại diện ký hợp đồng thuê phương tiện với Vật liệu xây dựng Phú Hưng do ông Nguyễn Hữu T làm đại diện (bên B), nội dung là bên B đồng ý cho bên A thuê 03 xe ben, giá thuê mỗi chiếc là 23.000.000 đồng/tháng. Thời hạn thuê là 03 tháng. Đồng thời cũng trong ngày 03/5/2014, công ty TNHH một thành viên Đ và ông T cũng ký kết hợp đồng thuê xe cuốc với nội dung là bên A đồng ý thuê xe cuốc hiệu Komatsu, giá thuê là 25.000.000 đồng, thời hạn thuê là 03 tháng. Xét án sơ thẩm căn cứ vào hợp đồng thuê phương tiện ngày 03/5/2014 (BL13,14) và hợp đồng thuê xe cuốc ngày 03/5/2014 (BL11, 12) để xác định đối tượng giao kết 02 hợp đồng trên là công ty TNHH một thành viên Đ ký hợp đồng

với Vật liệu xây dựng Phú Hưng và ông Nguyễn Hữu T. Do đó việc ông T khởi kiện cá nhân ông T để đòi số tiền thuê xe mà công ty còn nợ là không phù hợp quy định pháp luật. Bởi lẽ, quá trình giao dịch thì phía ông T hợp đồng giao dịch với Công ty TNHH một thành viên Đ do Ông Nguyễn Văn T làm đại diện theo pháp luật. Trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ đối với ông T là do Công ty TNHH một thành viên Đ thực hiện, mặc dù Công ty TNHH một thành viên Đ thuộc trường hợp vi phạm chờ giải trình (tạm khóa chờ xử lý) nhưng Công ty TNHH một thành viên Đ cũng phải có trách nhiệm của mình theo qui định tại khoản 3 Điều 156 của Luật doanh nghiệp "*Trong thời gian tạm ngừng kinh doanh, doanh nghiệp phải nộp đủ số thuế còn nợ, tiếp tục thanh toán các khoản nợ, hoàn thành việc thực hiện hợp đồng đã ký với khách hàng và người lao động, trừ trường hợp doanh nghiệp chủ nợ, khách hàng và người lao động có thỏa thuận khác".* Cho nên, không có cơ sở để chấp nhận việc ông T khởi kiện cá nhân ông T để đòi số tiền 166.408.000 đồng.

Xét bản hợp đồng thỏa thuận ngày 08/01/2015 (BL 04) giữa ông T và ông T cũng không thể hiện ông T có nợ tiền thuê xe của ông T, việc này cũng không được ông T thừa nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm phía nguyên đơn là người kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới. Cho nên, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo qui định khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự .

[3] Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Hữu T phải chịu án phí phúc thẩm theo qui định của pháp luật.

[4] Xét lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 6, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ Điều 480 Bộ luật dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hữu T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 290/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải trả số tiền thuê xe còn nợ là 134.200.000 đồng và tiền lãi là 32.208.000 đồng. Tổng cộng là 166.408.000 đồng.

2/ Về án phí: Ông Nguyễn Hữu T phải chịu 8.320.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, anh T đã nộp 3.959.000 đồng tiền

tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo các biên lai thu số 25437 ngày 12/12/2016 và số 26441 ngày 17/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, được khấu trừ nên anh T còn phải nộp tiếp 4.361.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Châu Thành, TG;
- CCTHADS huyện Châu Thành, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Văn Đạt